

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST
Ngày: 03-02-2021
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Gái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thi Hữu Giàu.
2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị P - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Long An. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh B - Sinh năm 1976 - Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị P trình bày và yêu cầu:

Năm 2019, bà có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh B diện tích đất 484m², thửa 1337, tờ bản đồ số 8, loại đất trồng cây hàng năm khác, tọa lạc tại ấp 4, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày

19/9/2019, ông B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để vay của bà số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Ngày 24/10/2019, ông B tiếp tục vay của bà số tiền 40.000.000 đồng, không lãi suất.

Từ khi vay ông B đã đóng lãi được 05 tháng của số tiền gốc 600.000.000 đồng là 90.000.000 đồng.

Bà P khởi kiện yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 714.008.000 đồng, trong đó: 640.000.000 đồng tiền vốn và 74.008.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 19/9/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 03/02/2021 của tiền vốn vay 600.000.000 đồng), cụ thể: $[(600.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} \times 1.66\%/\text{tháng}) - 90.000.000 \text{ đồng}]$.

Bà chỉ yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu gì đối với vợ ông B.. Bà cũng không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông B trong cùng vụ án này.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020, bị đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông thống nhất một phần trình bày và yêu cầu của bà P. Ông vay bà P số tiền 600.000.000 đồng (không nhớ thời gian vay, lãi suất, thời hạn vay). Tiền lãi mỗi tháng là 18.000.000 đồng và ông đã trả tiền lãi nhiều lần (nhưng không nhớ cụ thể và bà P cũng không ghi biên nhận cho ông). Đến tháng 03/2020, do tình hình dịch bệnh nên ông không làm ăn được và không đóng lãi cho bà P. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bà P trình bày là tiền lãi của số tiền vay 400.000.000 đồng trước đó, tuy nhiên, ông không có chứng cứ chứng minh.

Ông đồng ý trả cho bà P 640.000.000 đồng. Ông không đồng ý trả cho bà P tiền lãi. Vì tình hình dịch bệnh làm ăn gặp nhiều khó khăn.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự được đảm bảo.

- Về quan điểm xử lý vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả số tiền 640.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật sau khi khấu trừ số tiền lãi bà P đã nhận vượt quá quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Bùi Thị P khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Thanh B Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông B được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích chính đáng của ông, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Ông không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa vì ông đã không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[3] Việc bà P không yêu cầu vợ ông B có nghĩa vụ liên đới trả nợ và không tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông B, đây là sự tự nguyện của đương sự nên ghi nhận. Sau này bà P có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với ông B có quyền khởi kiện bằng vụ án khác. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông B thế chấp cho bà P vẫn do bà P đứng tên và liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà P và ông B nên không xem xét xử lý.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện và trình bày không thỏa thuận được với bị đơn về toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét việc bà P yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 640.000.000 đồng vốn vay là có căn cứ chấp nhận toàn bộ. Bởi vì:

[6] Lời trình bày của bà P phù hợp biên nhận nợ ngày 19/9/2019 có chữ ký của ông B. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/12/2020 ông B cũng thừa nhận có vay, hiện còn nợ bà P số tiền 600.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 40.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà P thì tuy ông B không thừa nhận, ông B cho rằng đây là tiền lãi của vốn vay 400.000.000 đồng trước đó, nhưng ông B không có chứng cứ chứng minh và ông B cũng đồng ý trả cho bà P 640.000.000 đồng nên ghi nhận. Vì vậy, xét ông B đã nhận khoản tiền vay 640.000.000 đồng từ bà P, đến hạn ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông B có nghĩa vụ trả cho bà P theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về tiền lãi bà P yêu cầu ông B có nghĩa vụ trả 74.008.000 đồng tiền lãi là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Vì bà P yêu cầu thời gian tính lãi, số vốn dùng để tính lãi, lãi suất 1.66%/tháng, đồng ý khấu trừ vào tiền lãi bà P đã nhận vượt quá quy định pháp luật là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Từ các nhận định trên, cần buộc ông B có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền 714.008.000 đồng.

[9] Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[10] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà P được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp.

[11] Ông B có nghĩa vụ trả cho bà P 714.008.000 đồng nên phải chịu 32.560.320 đồng [20.000.000 đồng + (314.008.000 đồng x 4%)] tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị P về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Thanh B.

Buộc ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị P số tiền 714.008.000 đồng (bảy trăm mười bốn triệu, không trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ chịu 32.560.320 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn, ba trăm hai mươi đồng) tiền án phí.

Bà Bùi Thị P không phải chịu án phí. Trả lại cho bà P 17.680.000 đồng (mười bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí (theo biên lai thu số 0008843 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/02/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Gái